

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ H PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày 31-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ H PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Gia Tuấn

Bà Hoàng Thị Yến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố H Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố H Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 31-5-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố H Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn H (tên gọi khác: B), sinh ngày 13 tháng 8 năm 1983 tại H Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H (đã chết) và bà Phạm Thị N (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 02 tiền sự, năm 2018 và năm 2020 Công an phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn xử phạt vi phạm hành chính do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã được xóa); bị bắt tạm giam ngày 23-3-2022; có mặt.

2. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1972 tại H Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Vũ Thị K; có vợ là Nguyễn Thị B và có 02 con. Tiền án: Không; tiền sự: 01, Quyết định số 12/QĐ-TA ngày 20-12-2017 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố H Phòng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng; nhân thân: Bản án số 28 ngày 16-9-1995 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố H Phòng xử phạt 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án

tích); Bản án số 28/HSST ngày 30-7-2004 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố H Phòng xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); Bản án số 45/2007/HSST ngày 12-3-2007 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố H Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giam ngày 21-3-2022; có mặt.

3. Lê Văn N, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1956 tại H Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường A, quận D, thành phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Đỗ Thị L (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị M và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: 01, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16/QĐ-XPHC ngày 20-8-2021 của Công an phường Anh Dũng, quận Dương Kinh xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15-12-2021; có mặt.

4. Trần Thị H, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1974 tại H Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường H, quận D, thành phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn A (đã chết) và bà Bùi Thị T (đã chết); có chồng là Vũ Duy Mạnh và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15-12-2021; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố Đề Thám, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố H Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường H, quận D, thành phố H Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn H và Nguyễn Văn Đ có mối quan hệ quen biết, ở gần nhà nhau. Khoảng 16 giờ ngày 28-8-2021, H và Đ đi đến đoạn đường thuộc Tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ, thì phát hiện thấy phía ngoài hàng rào nhà anh Nguyễn Văn D có để 02 cánh cổng bằng kim loại, mỗi cánh có trọng lượng 155kg, màu ghi xám, kích thước khoảng (1,97 x 2,7) m. H nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân nên đã rủ Đ cùng trộm cắp 02 cánh cổng này, Đ đồng ý. H và Đ hẹn nhau đến rạng sáng ngày 29-8-2021 sẽ cùng nhau đi trộm cắp. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 29-8-2021, Đ đi đến nhà H, sau đó H chở Đ đi xe máy điện, biển kiểm soát 15MĐ1-500.86 kéo theo 01 xe tự chế (xe lôi) đến chỗ để 02 cánh cổng. Khi đến nơi, H và Đ cùng nhau bê 01 cánh cổng lên xe tự chế rồi chở đến nhà Trần Thị H ở Tổ 6, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh để bán. H và Đ thỏa thuận mua, bán cánh cổng với giá là 1.470.000 đồng. Số tiền này, H và Đ chia nhau để tiêu xài cá nhân.

Chiều ngày 03-9-2021, H đến nhà Lê Văn N (là người quen biết xã hội) để rủ thêm N cùng tham gia trộm cắp cánh cổng còn lại của anh D, N đồng ý. Rạng sáng ngày 04-9-2021, N đi xe mô tô biển kiểm soát 15B1-583.78 từ nhà đến nhà H vào khoảng hơn 01 giờ cùng ngày. Khi đến nơi, N gặp Đ đã ở đây từ trước. Sau đó, N chở Đ đi xe mô tô của N đến nơi để cánh cổng. H đi xe máy điện biển kiểm soát 15MD1-500.86 kéo theo 01 xe tự chế (xe lôi) đi sau. Khi H, Đ, N đến nơi, cả ba đã bê 01 cánh cổng còn lại lên xe tự chế rồi chở đến nhà H để bán. H và H thỏa thuận mua, bán cánh cổng với giá là 1.470.000 đồng. Số tiền này H, Đ, N chia nhau tiêu xài cá nhân. Đến 14 giờ ngày 08-9-2021, H đến Công an phường Minh Đức, quận Đồ Sơn đầu thú.

Sau khi mua 02 cánh cổng, H đã sử dụng 01 máy cắt kim loại cắt cánh cổng mua vào ngày 29-8-2021 làm 02 phần, phần thứ nhất có trọng lượng 67 kg, phần thứ hai có trọng lượng 88 kg; cắt cánh cổng mua vào ngày 04-9-2021 làm 02 phần, phần thứ nhất có trọng lượng 64 kg, phần thứ hai có trọng lượng 91 kg. Khi mua 02 cánh cổng, H đều biết đây là tài sản do trộm cắp mà có.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 02-11-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đồ Sơn kết luận: 04 phần của cánh cổng bằng kim loại (sắt) có tổng trọng lượng là 310kg, có giá trị là 3.100.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố H Phòng đã truy tố bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Thị H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, Điều 36, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo pH bồi thường hoặc thực hiện trách nhiệm dân sự khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 04 phần của cánh cổng bằng kim loại (sắt) cho bị hại; trả lại chiếc xe máy điện biển kiểm soát 15MĐ1-500.86 và chiếc xe tự chế (xe lô) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với chiếc xe mô tô mà Lê Văn N sử dụng để trộm cắp tài sản vào ngày 04-9-2021 hiện chưa thu hồi được nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo H 01 máy cắt bằng kim loại đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố là đúng. Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H Phòng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H Phòng, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ, bản kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Ngày 29-8-2021, tại Tổ dân phố Đề Thám, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố H Phòng, Bùi Văn H và Nguyễn Văn Đ đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 cánh cổng bằng kim loại (sắt), trọng lượng 155 kg, có giá trị 1.550.000 đồng của anh Nguyễn Văn D. Ngày 04-9-2021, tại tổ dân phố Đề Thám, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố H Phòng, Lê Văn N cùng với H, Đ đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 cánh cổng bằng kim loại (sắt), trọng lượng 155 kg, có giá trị 1.550.000

đồng của anh D. H và Đ đã chiếm đoạt 02 cánh cổng bằng kim loại (sắt), tổng trọng lượng 310 kg, tổng giá trị là 3.100.000 đồng; N tham gia chiếm đoạt 01 cánh cổng bằng kim loại (sắt), trọng lượng 155 kg, có giá trị 1.550.000 đồng, tuy nhiên bị cáo N đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 29-8-2021 và ngày 04-9-2021, tại tổ dân phố 6, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, thành phố H Phòng, Trần Thị H không hứa hẹn trước, biết rõ 02 cánh cổng bằng kim loại (sắt) do H, Đ, N phạm tội mà có nhưng vẫn mua. Các bị cáo đều là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi, bị cáo H, Đ, N nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác và bị cáo H nhận thức được việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu cá nhân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo H, bị cáo Đ pH chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo N pH chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo H pH chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên cần pH xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo H, N, H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Đ tại giai đoạn điều tra, truy tố chỉ thừa nhận 01 lần cùng với H và N chiếm đoạt tài sản của anh D vào ngày 04-9-2021, tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, N, H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N, H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo H đã đến Công an phường Minh Đức đầu thú; bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N, H; bị cáo N từng tham gia quân đội, có bố đẻ là liệt sĩ; bị cáo H có bố đẻ là người có công với cách mạng nên các bị cáo H, N, H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò: Đây là vụ án có đồng phạm nên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo H có vai trò cao nhất, là người đề xuất, đồng thời là người thực hành tích cực, chuẩn bị công cụ, phương tiện, trực tiếp thỏa thuận về giá, tiêu thụ tài sản trộm cắp được. Bị cáo Đ, N phạm tội với vai trò là người thực

hành tích cực, giúp sức cho bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Đ tham gia trộm cắp 02 lần nên có vai trò sau bị cáo H. Bị cáo N tham gia trộm cắp 01 lần nên có vai trò thấp nhất.

[7] Về hình phạt: Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản bị cáo H, Đ chiếm đoạt có giá trị là 3.100.000 đồng, bị cáo H, Đ đều là đối tượng sử dụng ma túy, không có nghề nghiệp ổn định; nhân thân bị cáo H có 02 tiền sự đã được xóa, bị cáo Đ có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản và tàng trữ trái phép chất ma túy đã được xóa án tích và 01 tiền sự chưa được xóa; vì vậy cần thiết pH áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo H, Đ, buộc bị cáo H, Đ pH cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên cũng xét bị cáo H, Đ phạm tội có mức độ, bị cáo H có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Đ có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo H, Đ. Đối với bị cáo N, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 1.550.000 đồng, có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa là tình tiết định khung, bị cáo là đối tượng sử dụng ma túy, nên cần thiết pH áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên cũng xét bị cáo N có vai trò thấp nhất, có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có thể áp dụng hình phạt tù có thời hạn ở mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo N. Đối với bị cáo H, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có thể xem xét áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự, khoan hồng cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội.

[8] Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo H không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo H. Bị cáo H pH thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”; khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự quy định “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, xét thấy các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo pH bồi thường dân sự nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 máy cắt bằng kim loại đã qua sử dụng, xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên trả lại cho bị cáo H. Đối với 04 phần của cánh cổng bằng kim loại (sắt), chiếc xe máy điện biển kiểm soát 15MĐ1-500.86 và chiếc xe tự chế (xe lồi) đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chiếc xe mô tô mà Lê Văn N sử dụng để trộm cắp tài sản vào ngày 04-9-2021 hiện chưa thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với bà Nguyễn Thị L không biết việc H sử dụng chiếc xe máy điện và xe tự chế vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[13] Về án phí: Các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn H 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 23-3-2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 11 (*Mười một*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 21-3-2022.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn N 06 (*Sáu*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323, Điều 36, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị H 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo H. Bị cáo H pH thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, thành phố H Phòng giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo.

Trong trường hợp bị cáo Trần Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau:

“Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và pH xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, pH thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh pH điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và pH có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú pH có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội pH trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới pH trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú pH có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú pH thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.”

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trần Thị H: 01 (Một) máy cắt bằng kim loại đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06-5-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố H Phòng).

- Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn N, Trần Thị H, mỗi bị cáo pH nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- VKSND TP H Phòng;
- TAND TP H Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Trại tạm giam Công an TP H Phòng;
- Sở Tư pháp TP H Phòng;
- Công an TP H Phòng (PC10, PV06);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy Khoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Thanh Hoàng Gia Tuấn

Bùi Duy Khoa

